

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi NSDP
			Tổng số	Chia ra					
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản thu phân chia (theo phân cấp HĐND cấp tỉnh)				
	TỔNG SỐ	652.800	532.033	447.170	84.863	5.001.898			5.533.931
1	Xã Mường Kim	10.500	9.867	8.975	892	198.169			208.036
2	Xã Khoen On	4.900	4.854	4.795	59	107.502			112.356
3	Xã Than Uyên	33.450	30.052	25.395	4.657	185.303			215.355
4	Xã Mường Than	10.500	9.060	6.978	2.082	112.246			121.306
5	Xã Pắc Ta	7.000	6.571	5.976	595	92.899			99.470
6	Xã Nậm Sỏ	550	501	442	59	96.741			97.242
7	Xã Tân Uyên	47.650	43.657	38.200	5.457	193.386			237.043
8	Xã Mường Khoa	12.500	11.951	11.178	773	93.120			105.071
9	Xã Bản Bo	3.620	3.213	2.618	595	99.080			102.293
10	Xã Bình Lư	33.515	30.728	27.303	3.425	130.418			161.146
11	Xã Tả Lèng	1.375	1.251	1.073	178	148.946			150.197
12	Xã Khun Há	3.190	3.019	2.875	144	115.912			118.931

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi NSDP
			Tổng số	Chia ra					
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản thu phân chia (theo phân cấp HĐND cấp tỉnh)				
13	Phường Tân Phong	111.500	79.135	65.365	13.770	236.223			315.358
14	Phường Đoàn Kết	134.700	84.032	64.363	19.669	168.930			252.962
15	Xã Sin Suối Hồ	24.990	24.575	23.980	595	179.800			204.375
16	Xã Phong Thổ	27.750	25.034	21.609	3.425	202.369			227.403
17	Xã Sì Lở Lầu	3.570	3.519	3.460	59	158.197			161.716
18	Xã Đào San	5.940	5.889	5.830	59	171.227			177.116
19	Xã Không Lào	8.300	8.249	8.190	59	164.577			172.826
20	Xã Tủa Sín Chải	860	817	758	59	172.969			173.786
21	Xã Sìn Hồ	13.015	12.155	11.030	1.125	137.278			149.433
22	Xã Hồng Thu	760	734	705	29	140.883			141.617
23	Xã Nậm Tăm	2.350	2.044	1.722	322	115.429			117.473
24	Xã Pu Sam Cáp	1.005	962	903	59	118.944			119.906
25	Xã Nậm Cuối	1.050	1.027	998	29	114.571			115.598
26	Xã Nậm Mạ	680	579	525	54	75.478			76.057
27	Xã Lê Lợi	8.500	8.416	8.297	119	108.969			117.385
28	Xã Nậm Hàng	11.600	11.032	10.760	272	139.102			150.134
29	Xã Mường Mô	1.170	763	168	595	100.907			101.670
30	Xã Hua Bùm	8.620	8.559	8.500	59	87.150			95.709

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi NSDP
			Tổng số	Chia ra					
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản thu phân chia (theo phân cấp HĐND cấp tỉnh)				
31	Xã Pa Tần	34.780	28.284	18.764	9.520	139.537			167.821
32	Xã Bum Nua	6.160	5.957	5.754	203	103.834			109.791
33	Xã Bum Tở	54.050	43.072	27.500	15.572	116.535			159.607
34	Xã Mường Tè	1.600	1.474	1.296	178	84.575			86.049
35	Xã Thu Lũm	7.250	7.224	7.195	29	102.603			109.827
36	Xã Pa Ủ	9.330	9.304	9.275	29	110.977			120.281
37	Xã Mù Cả	4.200	4.176	4.147	29	68.994			73.170
38	Xã Tà Tổng	320	297	268	29	108.118			108.415